

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày 16 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Đồng Văn Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham không gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-DS ngày 08/4/2025. Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2025/QĐST-DS ngày 29/4/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1963 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn G, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:* Do có quan hệ quen biết thân thiết, ngày 05/4/2013 ông có cho anh H vay 100.000.000đ, khi vay có thỏa thuận lãi suất 0,2%/tháng, thời hạn vay 1 năm, hẹn đến ngày 05/4/2014 trả. Tiếp đó ngày 10/8/2014 ông có cho anh H vay 29.000.000đ, hẹn đến ngày 10/12/2014 trả. Năm 2014 anh H trả cho ông khoảng 7.200.000đ tiền lãi suất bằng cách anh H cho ông lĩnh tiền phụ cấp công an viên hàng tháng (anh H làm công an viên xã X), mỗi tháng 800.000đ. Năm 2019 anh H cung cấp son cho nhà ông trị giá 70.000.000đ, ông đã chuyển khoản trực tiếp công ty son 19.000.000đ (anh L con trai ông chuyển khoản cho công ty son Nano Hà Nội), còn 51.000.000đ ông trừ cho anh H 30.000.000đ vào nợ gốc và 21.000.000đ vào nợ lãi suất. Năm 2020 anh H cung cấp son

cho con gái ông làm nhà trị giá 24.000.000đ (Nguyễn Thị T thôn T, xã M). Ông tiếp tục trừ vào tiền nợ gốc cho anh H. Như vậy tổng ông trừ vào nợ gốc cho anh H là 54.000.000đ, anh H còn nợ lại 75.000.000đ tiền gốc. Nay ông yêu cầu anh H phải có trách nhiệm trả ông 75.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu lãi suất.

* *Bị đơn anh Hà Văn H trình bày:* Ngày 05/4/2013 anh có vay ông Q 100.000.000đ, khi vay có thoả thuận lãi suất 0,2%/tháng, thời hạn vay 1 năm, hạn đến ngày 05/4/2014 trả. Tiếp đó ngày 10/8/2014 anh có vay ông Q 29.000.000đ, hạn đến ngày 10/12/2014 trả. Khi để cho ông Q nhận tiền trợ cấp công an viên để trừ vào tiền lãi cũng chỉ thoả thuận miệng. Khi cung cấp sơn cho ông Q và con gái ông Q không có hợp đồng cụ thể bằng giấy, mà chỉ thoả thuận miệng. Nay theo anh nhầm tính (không có số liệu cụ thể), thì anh chỉ còn nợ ông Q 30.000.000đ tiền gốc, anh đồng ý sẽ trả ông Q 30.000.000đ tiền gốc vào cuối năm 2025, đề nghị ông Q rút đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Q có mặt, giữ nguyên yêu cầu trên. Anh Hà Văn H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q, khởi kiện đòi tiền cho vay đối với anh Hà Văn H, Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Theo giấy vay tiền do ông Q xuất trình, thì ông Q có cho anh H vay 2 lần tổng cộng là 129.000.000đ. Ông Q cho rằng anh H đã trả được 54.000.000đ tiền gốc và khoảng 28.200.000đ tiền lãi suất, còn nợ lại 75.000.000đ tiền gốc. Nay ông Q yêu cầu anh H phải trả cho ông Q 75.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu lãi suất, các bên không đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc, không yêu cầu lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay ông Q có mặt. Anh H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xuất phát từ quan hệ quen biết thân thiết, ngày 05/4/2013 ông Q có cho anh H vay 100.000.000đ, khi vay có viết giấy biên nhận thoả thuận lãi suất 0,2%/tháng, thời hạn vay 1 năm, hạn đến ngày 05/4/2014 trả. Tiếp đó ngày 10/8/2014 ông Q có cho anh H vay 29.000.000đ, khi vay có viết giấy biên nhận, hạn đến ngày 10/12/2014 trả. Việc giao kết vay tiền, viết giấy biên nhận và ký nhận giữa các bên là hoàn tự nguyện, đến nay anh H vẫn thừa nhận còn nợ tiền vay của ông Q chưa trả hết. Nên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Hà Văn H là có căn cứ, phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc:

[3.1] Số tiền nợ gốc ông Q cho anh H vay hai lần tổng cộng là 129.000.000đ. Phù hợp với nội dung được ghi tại bản gốc hai giấy vay tiền nêu trên do ông Q xuất trình có chữ ký của anh Hà Văn H. Anh H cũng thừa nhận là có vay của ông Q 2 lần tổng cộng là 129.000.000đ. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nay ông Q xác định anh H đã trả được 54.000.000đ tiền gốc và khoảng 28.200.000đ tiền lãi suất, còn nợ lại 75.000.000đ tiền gốc. Nên ông Q yêu cầu anh H phải trả cho ông Q 75.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu lãi suất.

[3.2] Về việc thanh toán trả tiền: Ông Q thừa nhận, năm 2014 anh H trả ông Q khoảng 7.200.000đ tiền lãi suất bằng cách anh H cho ông Q lĩnh tiền phụ cấp công an viên hàng tháng (khi đó anh H làm công an viên xã X). Năm 2019 anh H cung cấp sơn làm nhà ông Q trị giá 70.000.000đ. Ông Q đã chuyển khoản trực tiếp công ty sơn 19.000.000đ, còn 51.000.000đ ông Q trừ cho anh H 30.000.000đ vào nợ gốc và 21.000.000đ vào nợ lãi suất. Năm 2020 anh H cung cấp sơn cho ông Q làm nhà cho con gái trị giá 24.000.000đ. Ông Q tiếp tục trừ vào tiền nợ gốc cho anh H, tổng ông Q đã trừ vào nợ gốc cho anh H là 54.000.000đ, anh H còn nợ lại 75.000.000đ tiền gốc, nay ông Q yêu cầu anh H phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Q 75.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu lãi suất. Phía anh H thừa nhận có để cho ông Q nhận tiền trợ cấp công an viên để trừ vào tiền lãi, khi cung cấp sơn làm nhà cho ông Q và con gái ông Q đều không có hợp đồng cụ thể bằng giấy, mà chỉ thỏa thuận miệng. Nên theo anh H nhằm tính, thì anh H chỉ còn nợ ông Q 30.000.000đ tiền gốc.

[3.3] HĐXX xét thấy ông Q đã tự nguyện thừa nhận về việc ông Q đã nhận của anh H trả 54.000.000đ tiền gốc và khoảng 28.200.000đ tiền lãi suất. Vì khi vay các bên có tự nguyện thỏa thuận lãi suất, nên việc ông Q tự khấu trừ tiền anh H trả 28.200.000đ vào tiền lãi suất là có căn cứ cần chấp nhận. Việc anh H cho rằng đã trả ông Q chỉ còn nợ lại ông Q 30.000.000đ tiền gốc, nhưng anh H không đưa ra được chứng cứ cụ thể để chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận về việc anh H đã trả tiền cho ông Q như anh H trình bày. Cần buộc anh H phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Q 75.000.000đ (bảy năm triệu đồng) tiền gốc. Xét là phù hợp Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên anh H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Ông Q thuộc diện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q. Buộc anh Hà Văn H phải có trách nhiệm thanh toán trả ông Nguyễn Văn Q 75.000.000đ (bảy năm triệu đồng) tiền gốc.

2. Về án phí: Anh Hà Văn H phải chịu 3.750.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi